TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2023/HNGĐ- ST Ngày 26 -7 -2023 "V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Luyến và bà Doãn Thị Vệ;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn PH Nhật Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Triệu Minh Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, có mặt;

Địa chỉ: Thôn S, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Ngô Đức T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của anh T là: Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị Thiên H, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, tại phiên tòa bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 4 năm 2023, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Ngô Đức T có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2015 tại UBND phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T tại tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh

Vĩnh Phúc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 tháng, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T bị thiểu năng trí tuệ, nên hai vợ chồng sống không hòa hợp và không có tiếng nói chung. Tháng 06 năm 2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn S, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

-Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Thị Thiên T, sinh ngày 05/02/2017, hiện nay cháu đang ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ chị. Ly hôn chị đề nghị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/1 tháng.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

* Đối với bị đơn anh Ngô Đức T là người khuyết tật nặng, nên anh không trình bày được quan điểm. Tòa án đã đưa bố mẹ anh T là là ông Ngô Xuân T và bà Ngô Thị Thiên H vào tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp. Ông T và bà H trình bày: Anh Ngô Đức T là con trai thứ 2 của ông bà, ngay từ lúc sinh ra đã bị thiểu năng trí tuệ. Anh T không đi học, không biết chữ, anh T có thể nhận biết được người thân như bố mẹ, vợ và anh chị em ruột, có thể hiểu được và trả lời được các câu hỏi đơn giản như đói, no, đi đâu, yêu ghét. Nhưng anh T không biết trình bày cụ thể nội dung sự việc. Năm 2013 anh T được UBND phường P cấp Giấy xác nhận khuyết tật, hàng tháng anh được trợ cấp là hơn 600.000 đồng. Mặc dù biết anh T như vậy, nhưng vì thương con nên vẫn mong muốn con có người bầu bạn, nên ông bà vẫn tổ chức đám cưới cho chị H lấy anh T. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu, ở chung với gia đình ông bà tại tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ khi chị H về làm dâu, hai vợ chồng chị H và anh T không cãi nhau bao giờ, anh T rất quý mến chị H. Tuy nhiên, chị H chỉ ở nhà ông bà được 08 tháng, đến khoảng tháng 6 năm 2016, chị H xin phép về nhà mẹ đẻ nhưng sau đó chị đi luôn, không quay lại gia đình ông bà nữa. Sau khi chị H đi ông bà thấy anh T rất buồn, ông bà đã nhiều lần khuyên bảo chị H về nhưng chị không về. Nay chị H có đơn ly hôn, ông bà nhận thấy chị H không chịu về chung sống với anh T, chị không còn tình cảm với anh T nữa thì ông bà đồng ý để chị H và anh T ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh T có 01 con chung là Ngô Thị Thiên T, sinh ngày 05/02/2017, hiện cháu đang ở cùng chị H ở nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã Ngọc Thanh. Nếu ly hôn thì gia đình ông bà nhất trí để chị H được tiếp tục nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh T không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; các vấn đề khác đương

sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 4 năm 2023 chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, trú tại: Thôn S, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc có đơn xin ly hôn anh Ngô Đức T, sinh năm 1994, trú tại: Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] . Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] . Về tình cảm: Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Ngô Đức T, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND phường P, thành phố P đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án anh T là người khuyết tật, nên Tòa án đã đưa bố mẹ anh T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp, Tòa án đã thông báo quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí tuy nhiên anh T và gia đình cũng từ chối trợ giúp pháp lý. Mặc dù anh T không trình bày quan điểm của mình, nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án, xác minh tại địa phương cho thấy quá trình chung sống thời gian đầu chị H và anh T chung sống hạnh phúc được 08 tháng, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T là người khuyết tật, nên vợ chồng không có sự hòa hợp và tiếng nói chung. Từ tháng 6 năm 2016 chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng sống ly thân đã 07 năm, đến nay vẫn không hàn gắn được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H vẫn đề nghị cho chị ly hôn anh T, nên cần chấp nhận cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật,

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Ngô Thị Thiên T, sinh ngày 05/02/2017, hiện tại đang ở cùng chị H. Ly hôn cần giao cháu T cho chị H tiếp tục chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng cháu, hiện tại chị H sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con. Anh T là người khuyết tật không có thu nhập, nên chị H không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi chung là phù hợp cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thiên T, sinh ngày 05/02/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007049 ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy